

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 - 2022

V/v “Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T- Sinh năm 1989.

- Bị đơn: Chị Hà Thị T- Sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn T S, xã N S, huyện N L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt Anh T và chị T. Anh T và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Hà Thị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào tháng 6 năm 2013 nhưng anh và chị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do trong quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, to tiếng chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, anh và chị T đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh với chị Hà Thị Thúy.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T có với nhau một con chung tên là Hà Quốc L - Sinh ngày 26/7/2014 lâu nay cháu Lượng đang ở với anh. Ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị T trình bày như sau: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2013 cho đến nay chị và anh T chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hiện tại không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống vợ chồng hay cãi vã tình trạng này kéo dài mãi không thể cải thiện được mà còn trầm trọng hơn. Mâu thuẫn này cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2019 chị và anh T sống ly thân hoàn toàn cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, ai cũng lo cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh T và chị là vợ chồng thì chị đồng ý với yêu cầu của anh Bùi Văn Tuấn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có với nhau một con chung, cháu Hà Quốc L – SN 26/07/2014. Hiện tại cháu Lượng đang ở với anh T. Do trước đây vì lý do cá nhân mà trong giấy khi sinh của cháu Lượng chị không khai sinh tên bố, đồng thời để cháu Lượng mang họ của chị. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là chị đồng ý giao cháu Lượng cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù anh Bùi Văn T và chị Hà Thị T đều thống nhất ly hôn, nhưng do anh T và chị T không có đăng ký kết hôn do đó Tòa án không công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa anh T và chị T được, nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với chị Hà Thị Thúy. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Bùi Văn T và chị Hà Thị T đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nộp cho Tòa án bản tự khai. Do điều kiện công việc đường xá xa xôi không thuận lợi nên cả anh T và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T và chị Hà Thị Thúy.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành phân tích, động viên các bên quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn nhưng cả anh T và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Xét thấy việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa anh T và chị T từ năm 2013 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng do đó căn cứ vào Điều 9; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T thống nhất với nhau có một con chung tên là Hà Quốc L – SN 26/07/2014 lâu nay cháu Lượng đang ở cùng anh T và được anh chăm sóc, giáo dục, cháu Lượng phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn anh T và chị T đều có nguyện vọng tiếp tục giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lượng đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự. Giao cháu Lượng cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Hà Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh T đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T xác định anh vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Bùi Văn T và chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Bùi Văn T được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 14; 15; 51; 53 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận anh Bùi Văn T và chị Hà Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Hà Quốc L - SN 26/07/2014 cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Bùi Văn T được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Bùi Văn T và chị Hà Thị Thúy, anh T và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành